

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 6283-2 : 1997

ISO 1035/2 – 1980

Soát xét lần 2

THÉP THANH CÁN NÓNG _
PHẦN 2 : KÍCH THƯỚC CỦA THÉP VUÔNG

Hot - rolled steel bars _

Part 2 : Dimensions of square bars

HÀ NỘI _ 1997

Lời nói đầu

TCVN 6283-2 : 1997 thay thế cho TCVN 1843 - 89.

TCVN 6283-2 : 1997 hoàn toàn tương đương với ISO 1035/2 - 1980.

TCVN 6283-2 : 1997 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC 17 Thép biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

Thép thanh cán nóng –

Phần 2 : Kích thước của thép vuông

Hot-rolled steel bars –

Part 2 : Dimensions of square bars

1 Phạm vi và lĩnh vực áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định kích thước của thép thanh vuông cán nóng theo hệ mét.

2 Tiêu chuẩn trích dẫn

ISO 1035/4 Thép thanh cán nóng – Phần 4 : Dung sai.

3 Kích thước và sai lệch

3.1 Kích thước của thép vuông theo qui định trong bảng 1.

Bảng 1 - Kích thước, diện tích mặt cắt ngang và khối lượng một mét dài

Cỡ ưu tiên 1			Cỡ ưu tiên 2		
Chiều rộng, mm	Diện tích mặt cắt ngang, cm ²	Khối lượng ¹⁾ một mét dài, kg/m	Chiều rộng, mm	Diện tích mặt cắt ngang, cm ²	Khối lượng ¹⁾ một mét dài, kg/m
8	0,64	0,502	28	7,84	6,15
10	1,00	0,785	32	10,2	8,04
12	1,44	1,13	46	20,2	15,9
14	1,96	1,54	55	30,2	23,7
16	2,56	2,01	90	31,0	63,6
18	3,24	2,54			
20	4,00	3,14			

1) Giá trị khối lượng được tính với khối lượng riêng của thép là 7,85 kg/dm³

Bảng 1 (kết thúc)

Cỡ ưu tiên 1			Cỡ ưu tiên 2		
Chiều rộng, mm	Diện tích mặt cắt ngang, cm ²	Khối lượng ¹⁾ một mét dài, kg/m	Chiều rộng, mm	Diện tích mặt cắt ngang, cm ²	Khối lượng ¹⁾ một mét dài, kg/m
22	4,84	3,80			
25	6,25	4,91			
30	9,00	7,06			
35	12,2	9,58			
40	16,0	12,6			
50	25,0	19,6			
60	35,0	28,3			
70	49,0	38,5			
80	64,0	50,2			
100	100	78,5			
120	144	113			

3.2 Bán kính lượn góc của thép vuông theo qui định trong bảng 2 chỉ để tham khảo.

Bảng 2 – Bán kính lượn góc của thép vuông

Kích thước tính bằng milimét

Cỡ		Bán kính lượn góc r max,
Lớn hơn	Nhỏ hơn và bằng	
-	12	1,0
12	20	1,5
20	30	2,0
30	50	2,5
50	100	3,0
100	120	4,0

3.3 Trừ khi có các yêu cầu khác trong đơn đặt hàng, dung sai kích thước của thép vuông phải bằng dung sai tiêu chuẩn được qui định ở ISO 1035/4. Các dung sai nhỏ hơn dung sai trong ISO 1035/4 sẽ được qui định ở các tiêu chuẩn khác.

¹⁾ Giá trị khối lượng được tính với khối lượng riêng của thép là 7,85 kg/dm³